Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8408.10.90

Mã HS	8408.10.90
Mô tả hàng hóa	Động cơ đốt trong kiểu piston cháy do nén (động cơ diesel hoặc bán diesel) / - Động cơ máy thủy: / - - Loại khác
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	12/11/2026 07:38:58
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84081090/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K12918
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N12918
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q12918
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-LA)	0% (trừ LA)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E12196
ATIGA	2022	2022	0	AT!E12139
ATIGA	2023	2023	0	AT!F12139
ATIGA	2024	2024	0	AT!G12139
ATIGA	2025	2025	0	AT!H12139
ATIGA	2026	2026	0	AT!I12139
ATIGA	2027	2027	0	AT!J12139
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E12191
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F12191
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G12191

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H12191
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I12191
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J12191
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E12192
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F12192
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G12192
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H12192
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I12192
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J12192
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F12195
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H12145
AIFTA	30/12/2022	2022	*	AI!F12151
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	*	AI!G12151
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	*	AI!H12151
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	*	AI!I12151
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	*	AI!J12151
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	*	AI!K12151
VKFTA	2022	2022	0	VK!E12184
VKFTA	2023	2023	0	VK!F12184
VKFTA	2024	2024	0	VK!G12184
VKFTA	2025	2025	0	VK!H12184
VKFTA	2026	2026	0	VK!I12184
VKFTA	2027	2027	0	VK!J12184
VCFTA	2022	2022	0	VC!D12229
VCFTA	2023	2023	0	VC!E12229
VCFTA	2024	2024	0	VC!F12229

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G12229
VCFTA	2026	2026	0	VC!H12229
VCFTA	2027	2027	0	VC!I12229
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D12214
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E12214
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F12214
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G12214
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H12214
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I12214
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D12214
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E12214
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F12214
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G12214
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H12214
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I12214
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D12231
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E12231
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F12231
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G12231
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H12231
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I12231
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D12230
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E12230
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F12230
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G12230
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H12230

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I12230
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D12189
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E12189
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F12189
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G12189
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H12189
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I12189
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J12189
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D12214
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E12214
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F12214
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G12214
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H12214
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I12214
RCEP B	2022	2022	0	B!D12214
RCEP B	2023	2023	0	B!E12214
RCEP B	2024	2024	0	B!F12214
RCEP B	2025	2025	0	B!G12214
RCEP B	2026	2026	0	B!H12214
RCEP B	2027	2027	0	B!I12214
RCEP C	2022	2022	0	C!D12214
RCEP C	2023	2023	0	C!E12214
RCEP C	2024	2024	0	C!F12214
RCEP C	2025	2025	0	C!G12214
RCEP C	2026	2026	0	C!H12214
RCEP C	2027	2027	0	C!I12214

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D12213
RCEP D	2023	2023	0	D!E12213
RCEP D	2024	2024	0	D!F12213
RCEP D	2025	2025	0	D!G12213
RCEP D	2026	2026	0	D!H12213
RCEP D	2027	2027	0	D!I12213
RCEP E	2022	2022	0	E!D12217
RCEP E	2023	2023	0	E!E12217
RCEP E	2024	2024	0	E!F12217
RCEP E	2025	2025	0	E!G12217
RCEP E	2026	2026	0	E!H12217
RCEP E	2027	2027	0	E!I12217
RCEP F	2022	2022	0	F!D12214
RCEP F	2023	2023	0	F!E12214
RCEP F	2024	2024	0	F!F12214
RCEP F	2025	2025	0	F!G12214
RCEP F	2026	2026	0	F!H12214
RCEP F	2027	2027	0	F!I12214
VIFTA	2024	2024	0	VI!F11294
VIFTA	2025	2025	0	VI!G11294
VIFTA	2026	2026	0	VI!H11294
VIFTA	2027	2027	0	VI!I11294

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8408.10 có 4 dòng thuế; dòng 8408.10.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	8408.10.10 Công suất không quá 22,38 kW; 8408.10.20 Công suất trên 22,38 kW nhưng không quá 100 kW; 8408.10.30 Công suất trên 100 kW nhưng không quá 750 kW	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8408.10.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8408.10.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N12918), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.